

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÀ BẮC
TỈNH HÒA BÌNH**

Bản án số: 09/2024/HSST
Ngày 28/5/2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀ BẮC, TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Trung
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Dần, Ông Xa Tiến Đắc
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đào Thị TH Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Như Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Đà Bắc mở phiên tòa xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 05/2024/TLST-HS, ngày 11 tháng 3 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2024/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 4 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị Nh (tên gọi khác: không), sinh ngày 05 tháng 5 năm 1988, tại xã K Q, huyện Th Th, Thành phố Hà Nội; HKTT: tiểu khu C, thị trấn Đ, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình; chỗ ở hiện nay: tiểu khu K, thị trấn Đ, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. nghề nghiệp: Lao động T do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1956; có chồng là Nguyễn Duy Ch, sinh năm 1977 (đã ly hôn) và 02 con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 07/10/2023 đến ngày 16/10/2023 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Thế A (tên gọi khác: không), sinh ngày 19 tháng 12 năm 1980, tại xã B Y, huyện S D, tỉnh Tuyên Q; Chỗ ở hiện nay: xóm S, xã C S, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Nghề nghiệp: Lao động T do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Cao Lan; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Việt H, sinh năm 1954 và bà Lương Thị V, sinh năm 1953; có vợ là Nguyễn Thị Bích Ng, sinh năm 1984 (đã ly hôn) và 03 con lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 07/10/2023 đến ngày 16/10/2023 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan:

1 - Anh Đinh Văn Ph, sinh năm 1980

Trú tại: tiểu khu L, thị trấn Đ, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Có mặt.

2 - Chị Nguyễn Thị Thuỳ N, sinh năm 1978

Trú tại: xóm D, xã H L, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

3 - Anh Hà Trọng Q, sinh năm 1996

Trú tại: tiểu khu C, thị trấn Đ, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

4 - Anh Đinh Công Q, sinh năm 1976

Trú tại: xóm Q, xã T L, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

5 - Chị Đinh Thị Th, sinh năm 1983

Trú tại: xóm K, xã H L, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

6 - Chị Đinh Thị Th1, sinh năm 1975

Trú tại: xóm H, xã T L, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

7 - Anh Đinh Hồng Q, sinh năm 1990

Trú tại: xóm C, xã T L, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

8 – Anh Đinh Hồng S, sinh năm 1982

Trú tại: xóm K, xã H L, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

9 - Chị Phan Thị H, sinh năm 1977

Trú tại: xóm K, xã H L, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

10 - Chị Phan Thị Ng, sinh năm 1975

Trú tại: tiểu khu L, thị trấn Đ, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

11 - Anh Bùi Sở T, sinh năm 1989

Trú tại: xóm S B, xã S B, huyện K B, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

12 - Ông Đinh Hồng M (tên gọi khác Đinh Văn M), sinh năm 1951

Trú tại: tiểu khu L, thị trấn Đ, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

13 - Anh Nguyễn Duy Ch, sinh năm 1977

Trú tại: thôn C, xã K Q, huyện Th Th, Thành phố Hà Nội. Có mặt.

14 - Nguyễn Thị T, sinh năm 1972

Trú tại: tiểu khu C, thị trấn Đ B, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

15 - Anh Đinh Văn Th, sinh năm 1979

Trú tại: tiểu khu C, thị trấn Đ B, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

16 - Chị Đinh Thị Ph, sinh năm 1976

Trú tại: tiểu khu L, thị trấn Đ, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

17 - Chị Phùng Thị Ph, sinh năm 1977

Trú tại: tiểu khu L, thị trấn Đ, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

18 - Chị Đinh Thị Tr, sinh năm 1994

Trú tại: tiểu khu M, thị trấn Đ, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

19 - Chị Quản Thị L, sinh năm 1980

Trú tại: tiểu khu C, thị trấn Đ, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

20 - Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1872

Trú tại: tiểu khu T, thị trấn Đ, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

21 - Chị Lê Thị Th, sinh năm 1990

Trú tại: Sào B, xã S B, huyện K B, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

22 - Anh Hà Văn Ng, sinh năm 1984

Trú tại: xóm Q C, xã T L, huyện Đ B, tỉnh Hoà Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, Nguyễn Thị Nh mở dịch vụ bán hàng ăn sáng tại Tiểu khu C, thị trấn Đ. Quá trình buôn bán, nhận thấy nhiều người có nhu cầu vay tiền để giải quyết công việc, Nh đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng để hưởng lợi với lãi suất thoả thuận miệng từ 3.000đ/01triệu/ngày đến 10.000đ/01triệu/ngày. Để thực hiện hành vi cho vay, Nh đã yêu cầu người vay viết giấy vay tiền sau đó ký tên, nhưng không ghi lãi suất, một số người thì không cần viết giấy tờ vay do quen biết. Hoạt động vay tiền lấy lãi được Nh thực hiện đến đầu năm 2023, thì Nh quen và có quan hệ tình cảm với Trần Thế A – SN 1980, trú tại xóm S, xã C S, huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình, Nh có kẻ cho A hoạt động cho vay lấy lãi của Nh, nói cho A những trường hợp người vay đến hạn và lãi suất vay để A thực hiện việc gọi điện, nhắn tin và đòi nợ giúp Nh. Những người vay tiền sẽ chuyển trả tiền lãi vào số tài khoản Viettel Pay 9704229202460131555 liên kết với ngân hàng MB Bank – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q đội của Trần Thế A và A rút tiền đưa cho Nh hoặc người vay trả tiền mặt trực tiếp cho Nh. Một số lần Nh và A trực tiếp đến nhà tìm người vay yêu cầu trả nợ, sau đó Nh sẽ cho A từ 300.000đ đến 500.000đ là tiền công, tiền xăng xe đi lại.

Như vậy với Phương thức hoạt động như trên từ cuối năm 2019 đến 07/10/2023, Nguyễn Thị Nh đã thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với 11 người với tổng số tiền **526.000.000đ** (năm trăm hai mươi sáu triệu đồng) với mức lãi suất thoả thuận miệng từ 3.000đ/01triệu/ngày - 10.000đ/01triệu/01ngày tương đương với mức lãi suất thấp nhất là 128%/năm, lãi suất cao nhất là 365%/năm đều vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất (cụ thể từ 6,4 lần đến 18,2 lần) theo quy định của Bộ luật Dân sự.

- Tổng số tiền Nguyễn Thị Nh nhằm thu lợi bất Ch theo thoả thuận với những người vay từ khi vay tiền đến ngày 07/10/2023 là **895.775.000đ** (tám trăm chín mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Trong đó lãi nhằm thu lợi là *892.575.000đ (tám trăm chín mươi hai triệu, năm trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)* và *3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng)* khoản tiền thu trái pháp luật khác.

+ Số tiền lãi đã thu thực tế được là **397.000.000đ** (Ba trăm chín mươi bảy triệu đồng) trong đó: số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất (20%/năm) theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 46.529.315đ (bốn mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng), số tiền thu lợi bất chính là **347.270.685đ** (ba trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng) và 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng) tiền phạt do người vay không có tài sản thế chấp hoặc nộp chậm lãi.

+ Số tiền lãi chưa thu được tính đến ngày 07/10/2023 là: 498.775.000đ (bốn trăm chín mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi lăm đồng). Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 56.299.726đ (năm mươi sáu triệu, hai trăm chín mươi chín nghìn, bảy trăm hai mươi sáu đồng); số tiền vượt quá 20%/ năm nhằm thu lợi bất chính là 442.475.274đ (bốn trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn, hai trăm bảy mươi bốn đồng).

- Số tiền nợ gốc những người vay còn chưa trả cho Nguyễn Thị Nh là 406.000.000đ (bốn trăm linh sáu triệu đồng).

Những người vay tiền cụ thể như sau:

1. Anh Đinh Văn Ph, vay 04 lần:

Lần thứ nhất: tháng 01/2019, vay của Nh số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) với lãi suất thoả thuận là 5.000đ/triệu/ngày, không viết giấy tờ vay, không cầm cố tài sản thế chấp.

Lần thứ hai: tháng 01/2021, anh Ph tiếp tục vay của Nh số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) với lãi suất thoả thuận là 5.000đ/triệu/ngày, đối với khoản vay này anh Ph cầm cố cho Nh 01 giấy chứng nhận Q sử dụng đất số 068298 mang tên Đinh Hồng M (tên gọi khác Đinh Văn M) (bố đẻ Đinh Văn Ph) có địa chỉ tiểu khu Liên Ph, thị trấn Đà Bắc, huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình.

Lần thứ ba: tháng 5/2021, anh Ph tiếp tục vay của Nh số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) với lãi suất thoả thuận là 5.000đ/triệu/ngày.

Lần thứ tư: tháng 6/2021, anh Ph tiếp tục vay của Nh số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) với lãi suất thoả thuận là 5.000đ/triệu/ngày.

Do không có tiền trả lãi nên đến tháng 01/2023, Đinh Văn Ph nhờ chị gái là Đinh Thị Ph thoả thuận với Nh tổng số tiền Ph phải trả cho Nh là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng), trong đó 50.000.000đ tiền nợ gốc và 70.000.000đ tiền lãi của năm 2022 (365 ngày), thống nhất không thu thêm tiền lãi nữa. Như vậy, số tiền lãi anh Ph phải trả cho Nh tương đương với lãi suất 140%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 7 lần. Anh Ph đã trả cho Nh là 20.000.000đ tiền lãi tương đương với lãi suất của 80 ngày, như vậy số tiền lãi tương ứng với mức lãi

suất cao nhất (20%) theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 2.191.781đ (Hai triệu, một trăm chín mươi một nghìn, bảy trăm tám mươi một đồng), tiền lãi thu lợi bất chính đã thu được là 17.808.219đ (Mười bảy triệu, tám trăm linh tám nghìn, hai trăm mười chín đồng). Số tiền lãi còn nợ nhằm thu lợi tính đến ngày 07/10/2023 là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và còn nợ số tiền gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

2. Chị Nguyễn Thị Thuỳ N, vay 02 lần:

Lần thứ nhất: ngày 01/4/2020, chị N vay của Nh số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) với lãi suất thoả thuận là 5.000đ/triệu/ngày. Tổng số tiền lãi theo thoả thuận mà chị N phải trả cho Nh đến ngày N trả nợ gốc (01/6/2020) là 15.500.000đ (mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng), tương đương với lãi suất 183%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 9,1 lần. Do không có đủ tiền trả lãi theo thoả thuận nên Nh đã đồng ý cho N chỉ phải trả số tiền lãi là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Như vậy, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất (20%) theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 1.698.630đ (Một triệu sáu trăm chín mươi tám nghìn sáu trăm ba mươi đồng), tiền lãi thu lợi bất chính đã thu được là 3.301.370đ (ba triệu ba trăm linh một nghìn ba trăm bảy mươi đồng). Đến tháng 6/2020, chị N đã trả cho Nh số nợ gốc 50.000.000đ.

Lần thứ hai: ngày 01/9/2021, chị N vay của Nh số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng), lãi suất thoả thuận là 5.000đ/triệu/ngày, không viết giấy tờ vay nợ, không cầm cố, thế chấp tài sản. Tổng số tiền lãi theo thoả thuận mà chị N phải trả cho Nh đến ngày 07/10/2023 là 34.515.000đ (ba mươi bốn triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng), tương đương với lãi suất 183%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 9,1 lần. Tổng số tiền lãi N đã trả cho Nh là 20.900.000đ (hai mươi triệu chín trăm nghìn đồng) tương đương với lãi suất của 464 ngày. Như vậy, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 2.288.219đ (hai triệu, hai trăm tám mươi tám nghìn, hai trăm mười chín đồng), tiền lãi thu lợi bất chính đã thu được là 18.611.781đ (Mười tám triệu, sáu trăm mười một nghìn, bảy trăm tám mươi một đồng).

Số tiền lãi còn nợ nhằm thu lợi tính đến ngày 07/10/2023 là 13.615.000đ (Mười ba triệu, sáu trăm mười lăm nghìn đồng) và nợ số tiền gốc là 9.000.000đ (chín triệu đồng).

3. Anh Hà Trọng Q, vay 01 lần vào ngày 01/5/2020, với số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) với lãi suất thoả thuận là 5.000đ/triệu/ngày, không viết giấy tờ vay nợ, không cầm cố, thế chấp tài sản.

Tổng số tiền lãi theo thoả thuận mà anh Q phải trả cho Nh đến ngày Q trả nợ gốc là 30.800.000đ (ba mươi triệu tám trăm nghìn đồng), tương đương với lãi suất 183%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 9,1 lần. Do không có đủ tiền trả lãi theo thoả thuận nên Nh đã đồng ý cho Q chỉ phải trả số tiền lãi là 7.000.000đ (bảy triệu đồng). Như vậy, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 3.375.342đ (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng), tiền lãi thu lợi bất chính đã thu

được là 3.624.658đ (ba triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng). Tháng 10/2022, anh Q đã cho Nh số nợ gốc 40.000.000đ.

4. Anh Đinh Công Q, vay 03 lần:

Lần thứ nhất: anh Q vay của Nh số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lãi suất thoả thuận là 5.000đ/triệu/ngày, không viết giấy tờ vay nợ, không cầm cố, thế chấp tài sản.

Tổng số tiền lãi theo thoả thuận mà anh Q phải trả cho Nh đến ngày 30/8/2021 là 6.200.000đ (sáu triệu hai trăm nghìn đồng) tương đương với lãi suất 183%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 9,1 lần. Anh Q đã trả lãi là 5.600.000đ (năm triệu sáu trăm nghìn đồng) tương đương lãi suất của 56 ngày. Như vậy, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 613.699đ (sáu trăm mười ba nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng), tiền lãi thu lợi bất chính đã thu được là 4.986.301đ (bốn triệu, chín trăm tám mươi sáu nghìn, ba trăm linh một đồng).

Lần thứ hai: ngày 31/8/2021 anh Q vay của Nh số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Lúc này cả hai thống nhất tổng số tiền vay anh Q nợ Nh là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) với lãi suất thoả thuận là 5.000đ/triệu/ngày. Tổng số tiền lãi theo thoả thuận mà anh Q phải trả cho Nh đến ngày 30/9/2022 là 118.800.000đ (một trăm mười tám triệu, tám trăm nghìn đồng) tương đương với lãi suất 183%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 9,1 lần. Thời điểm vay Q đã trả cho Nh là 2.000.000đ (hai triệu đồng) tương đương lãi suất của 10 ngày cho khoản vay 40.000.000đ, như vậy số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất (20%) theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 219.178đ (hai trăm mười chín nghìn một trăm bảy mươi tám đồng), tiền lãi thu lợi bất chính đã thu được là 1.780.822đ (một triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng).

Lần thứ ba: ngày 01/10/2022 anh Q vay Nh số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Lúc này cả hai thống nhất tổng số tiền vay anh Q nợ Nh là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng) với lãi suất thoả thuận là 5.000đ/triệu/ngày.

Tổng số tiền lãi theo thoả thuận mà anh Q phải trả cho Nh tính đến ngày 07/10/2023 là 148.800.000đ (một trăm bốn mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng) tương đương với lãi suất 183%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 9,1 lần. Q đã trả trước 1.000.000đ tiền lãi (10 ngày) của khoản vay 20.000.000đ, như vậy số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất (20%) theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 109.589đ (một trăm linh chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng), tiền lãi thu lợi bất chính đã thu được là 890.411đ (tám trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng).

Từ ngày 04/10/2022 đến 07/10/2023, anh Q đã nhiều lần trả lãi cho Nh với tổng số tiền 120.100.000đ (một trăm hai mươi triệu một trăm nghìn đồng) của khoản vay 80.000.000đ tương đương với lãi suất của 300 ngày. Như vậy, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 13.150.685đ (mười ba triệu, một trăm năm mươi nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng),

tiền lãi thu lợi bất chính đã thu được là 106.949.315đ (một trăm linh sáu triệu, chín trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng).

Số tiền lãi còn nợ nhằm thu lợi tính đến ngày 07/10/2023 là 28.700.000đ (hai mươi tám triệu, bảy trăm nghìn đồng) và còn nợ số tiền gốc là 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng).

5. Chị Đinh Thị Th, vay 03 lần:

Lần thứ nhất: ngày 28/12/2021 chị Th vay của Nh số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) lãi suất thoả thuận 4.000đ/triệu/ngày, có viết giấy vay nợ nhưng không cầm cố, thế chấp tài sản. Số tiền lãi mà chị Th đã trả là 25.200.000đ (hai mươi lăm triệu hai trăm nghìn đồng) tương đương với lãi suất 146 %/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 7,3 lần trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 3.452.055đ (ba triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm đồng), tiền lãi thu lợi bất chính đã thu được là 21.747.945đ (hai mươi một triệu bảy trăm bốn mươi bảy nghìn chín trăm bốn mươi lăm đồng). Đến tháng 7/2022, chị Th đã trả cho Nh số nợ gốc 30.000.000đ.

Lần thứ hai: ngày 17/6/2022, chị Th vay Nh số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), lãi suất thoả thuận 4.000đ/triệu/ngày, không viết giấy tờ vay, không thế chấp, cầm cố tài sản.

Tổng số tiền lãi theo thoả thuận mà chị Th phải trả cho Nh tính đến ngày 07/10/2023 là 19.120.000đ (mười chín triệu một trăm hai mươi nghìn đồng) tương đương với lãi suất 146%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 7,3 lần. chị Th đã trả cho Nh số tiền lãi là 2.400.000đ (hai triệu bốn trăm nghìn đồng) tương đương với lãi suất của 60 ngày, như vậy số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 328.767đ (ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), tiền lãi thu lợi bất chính đã thu được là 2.071.233đ (hai triệu không trăm bảy mươi một nghìn hai trăm ba mươi ba đồng). Số tiền lãi còn nợ nhằm thu lợi tính đến ngày 07/10/2023 là 16.720.000đ (mười sáu triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng) và còn nợ số tiền gốc là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Lần thứ ba: ngày 28/7/2022, chị Th vay của Nh số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng), lãi suất thoả thuận 4.000đ/triệu/ngày, không viết giấy tờ vay, không thế chấp, cầm cố tài sản.

Tổng tiền lãi theo thoả thuận mà chị Th phải trả cho Nh tính đến ngày 07/10/2023 là 52.440.000đ (năm mươi hai triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng) tương đương với lãi suất 146%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 7,3 lần. Chị Th đã trả cho Nh số tiền lãi là 39.200.000đ (ba mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng) tương đương với lãi suất của 327 ngày, như vậy số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 5.375.342đ (năm triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm bốn mươi hai đồng), tiền lãi thu lợi bất chính đã thu được là 33.824.658đ (ba mươi ba triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng).

Số tiền lãi còn nợ nhằm thu lợi tính đến ngày 07/10/2023 là 13.240.000đ (mười ba triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng) và còn nợ số tiền gốc là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

6. Chị Đinh Thị Th1 vay 06 lần

Năm 2022, chị Th1 vay của Nh tổng số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) qua 06 lần vay, khi vay có viết giấy tờ vay, không cầm cố, thế chấp tài sản. Đến tháng 9/2022 cả hai chốt nợ với lãi suất thoả thuận là 5000đ/triệu/ngày.

Tổng số tiền lãi theo thoả thuận mà chị Th1 phải trả cho Nh tính từ 30/9/2022 đến ngày 07/10/2023 là 186.500.000đ (một trăm tám mươi sáu triệu, năm trăm nghìn đồng) tương đương với lãi suất 183%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 9,1 lần. Chị Th1 đã nhiều lần trả lãi cho Nh, tuy nhiên chỉ xác định được số lãi đã trả là 74.200.000đ (bảy mươi bốn triệu, hai trăm nghìn đồng) tương đương với lãi suất của 148 ngày, như vậy số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 8.109.589đ (tám triệu, một trăm linh chín nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng), tiền lãi thu lợi bất chính đã thu được là 66.090.411đ (sáu mươi sáu triệu, không trăm chín mươi nghìn, bốn trăm mười một đồng).

Số tiền lãi còn nợ nhằm thu lợi tính đến ngày 07/10/2023 là 112.300.000đ (một trăm mười hai triệu, ba trăm nghìn đồng) và còn nợ số tiền gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

7. Anh Đinh Hồng Q vay 02 lần

Lần thứ nhất: ngày 10/9/2022 anh Q vay của Nh số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng), lãi suất thoả thuận là 5.000đ/triệu/ngày, không viết giấy tờ vay nợ, không cầm cố, thế chấp tài sản.

Tổng số tiền lãi theo thoả thuận mà anh Q phải trả cho Nh đến ngày 12/10/2022 là 1.650.000đ (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tương đương với lãi suất 183%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 9,1 lần. Số tiền lãi anh Q đã trả cho Nh cho khoản vay này là 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho 33 ngày tương đương với lãi suất 10.000đ/triệu/ngày và tương đương với lãi suất 365%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 18,2 lần. Như vậy, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 180.822đ (một trăm tám mươi nghìn tám trăm hai mươi hai đồng), tiền lãi thu lợi bất chính đã thu được là 2.819.178đ (hai triệu, tám trăm mười chín nghìn, một trăm bảy mươi tám đồng).

Lần thứ hai: ngày 13/10/2022, anh Q vay Nh số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng), lúc này cả hai thống nhất tổng số tiền vay cho cả hai lần là 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng), lãi suất 5.000đ/triệu/ngày, không viết giấy tờ vay, không cầm cố, tài sản thế chấp.

Tổng số tiền lãi theo thoả thuận mà anh Q phải trả cho Nh đối với khoản vay 17.000.000đ tính đến ngày 07/10/2023 là 30.600.000đ (ba mươi triệu sáu trăm nghìn đồng), tương đương với lãi suất 183%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy

định trong Bộ luật Dân sự là 9,1 lần. Thực tế số tiền lãi anh Q đã trả cho Nh qua nhiều lần là 49.500.000đ (bốn mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng) cho 360 ngày vay, vượt quá số tiền sẽ thu theo sự thoả thuận lãi suất giữa các bên, tương ứng với lãi suất 8.088đ/triệu/ngày và tương đương với lãi suất 295%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 15 lần. Như vậy số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 3.353.425đ (ba triệu ba trăm năm mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi lăm đồng), tiền lãi thu lợi bất chính đã thu được là 46.146.575đ (bốn mươi sáu triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn năm trăm bảy mươi lăm đồng). Hiện tại anh Q vẫn nợ số tiền gốc 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng).

8. Anh Đinh Hồng S, vay 02 lần:

Lần thứ nhất: ngày 29/12/2022 anh S vay của Nh số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) với lãi suất 5.000đ/triệu/ngày.

Tổng số tiền lãi theo thoả thuận mà anh S phải trả cho Nh tính đến ngày 07/10/2023 là 14.150.000đ (mười bốn triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), tương đương với lãi suất 183%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 9,1 lần. Anh S đã trả lãi cho Nh là 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng) trong đó là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) tiền lãi tương ứng với lãi suất của 30 ngày và thu thêm 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng) tiền phạt do khi vay tiền anh S không có tài sản cầm cố. Như vậy số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 164.384đ (một trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng), tiền thu lợi bất chính đã thu được là 1.735.616đ (một triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn sáu trăm mười sáu đồng) gồm tiền lãi thu bất chính là 1.335.616đ và 400.000đ khoản thu trái pháp luật.

Số tiền lãi còn nợ nhằm thu lợi tính đến ngày 07/10/2023 là 12.650.000đ (mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) và còn nợ số tiền gốc là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Lần thứ hai: ngày 07/3/2023, anh S tiếp tục vay Nh số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) với lãi suất thoả thuận 5.000đ/triệu/ngày. Khi vay có viết giấy tờ vay nợ nhưng không có tài sản cầm cố, thế chấp.

Tổng số tiền lãi theo thoả thuận mà anh S phải trả cho Nh tính đến ngày 07/10/2023 là 10.750.000đ (mười triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tương đương với lãi suất 183%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 9,1 lần. Anh S đã trả lãi cho khoản vay này là 3.800.000đ (ba triệu tám trăm nghìn đồng), trong đó tiền lãi là 3.000.000đ (ba triệu đồng) tương ứng với lãi suất của 60 ngày và 800.000đ (tám trăm nghìn đồng) tiền phạt do không có tài sản thế chấp và tiền phạt trả chậm lãi. Như vậy số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 328.767đ (ba trăm hai mươi tám nghìn bảy trăm sáu mươi bảy đồng), tiền thu lợi bất chính đã thu được là 3.471.233đ (ba triệu, bốn trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm ba mươi ba đồng) gồm tiền lãi thu bất chính là 2.671.233đ và 800.000đ khoản thu trái pháp luật. Số tiền lãi còn nợ nhằm thu lợi tính đến ngày 07/10/2023 là 7.750.000đ (bảy triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) và còn nợ số tiền gốc là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

9. Chị Phan Thị H vay 01 lần, ngày 14/3/2023, chị H vay Nh số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) với lãi suất 5.000đ/triệu/ngày. Khi vay có viết giấy tờ vay nợ, nhưng không có tài sản cầm cố, thế chấp.

Tổng số tiền lãi theo thoả thuận mà chị H phải trả cho Nh tính đến ngày 07/10/2023 là 10.400.000đ (mười triệu bốn trăm nghìn đồng), tương đương với lãi suất 183%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 9,1 lần. Chị H đã 5 lần trả lãi cho Nh được số tiền là 9.500.000đ (chín triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó tiền lãi là 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tương ứng với lãi suất của 150 ngày và 2.000.000đ (hai triệu đồng) tiền phạt do không có tài sản thế chấp. Như vậy số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 821.918đ (tám trăm, hai mươi một, nghìn chín trăm mười tám đồng), tiền thu lợi bất chính đã thu được là 8.678.082đ (tám triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng) gồm tiền lãi thu bất chính là 6.678.082đ và 2.000.000đ khoản thu trái pháp luật.

Số tiền lãi còn nợ nhằm thu lợi tính đến ngày 07/10/2023 là 2.900.000đ (hai triệu chín trăm nghìn đồng) và còn nợ số tiền gốc là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

10. Chị Phan Thị Ng: vay 05 lần, từ tháng 6/2022 đến tháng 11/2022, chị Ng đã vay của Nh tổng cộng số tiền là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng) lãi suất 5.000đ/triệu/ngày, khi vay không viết giấy vay nợ, không có tài sản thế chấp:

Lần thứ nhất: tháng 6/2022, Ng vay Nh số tiền 10.000.000đ. Tổng số tiền lãi theo thoả thuận mà chị Ng phải trả cho Nh tính đến ngày 30/7/2022 là 1.550.000đ (một triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tương đương với lãi suất 183%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 9,1 lần.

Lần thứ hai: ngày 31/7/2022, chị Ng tiếp tục vay tiền của Nh số tiền 10.000.000đ, gộp tổng số tiền vay của 02 đợt là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Tổng số tiền lãi theo thoả thuận mà chị Ng phải trả cho Nh tính đến ngày 30/8/2022 là 3.100.000đ (ba triệu một trăm nghìn đồng) tương đương với lãi suất 183%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 9,1 lần.

Lần thứ ba: ngày 31/8/2022, chị Ng tiếp tục vay tiền của Nh số tiền 10.000.000đ, gộp tổng số tiền vay của 03 đợt là 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Tổng số tiền lãi theo thoả thuận mà chị Ng phải trả cho Nh tính đến ngày 29/9/2022 là 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) tương đương với lãi suất 183%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 9,1 lần.

Lần thứ tư: ngày 30/9/2022, chị Ng tiếp tục vay tiền của Nh số tiền 10.000.000đ, gộp tổng số tiền vay của 04 đợt là 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng). Tổng số tiền lãi theo thoả thuận mà chị Ng phải trả cho Nh tính đến ngày 14/11/2022 là 9.200.000đ (chín triệu hai trăm nghìn đồng) tương đương với lãi suất 183%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 9,1 lần.

Lần thứ năm: ngày 15/11/2022, chị Ng tiếp tục vay tiền của Nh số tiền 20.000.000đ, gộp tổng số tiền vay của 05 đợt là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng). Tổng số tiền lãi theo thoả thuận mà chị Ng phải trả cho Nh tính đến ngày 07/10/2023 là 98.100.000đ (chín mươi tám triệu một trăm nghìn đồng) tương đương với lãi suất

183%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 9,1 lần.

Thực tế từ tháng 9/2022 đến tháng 8/2023, chị Ng có vài lần trả tiền lãi cho Nh, nhưng cả hai đều không nhớ cụ thể số tiền đã trả, do đó không đủ căn cứ chứng minh số tiền đã trả. Từ 20/8/2023, chị Ng đã trả cho Nh số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) tương ứng lãi suất của 20 ngày vay. Như vậy số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 657.534đ (sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng), tiền lãi thu lợi bất chính đã thu được là 5.342.466đ (năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng).

Số tiền lãi còn nợ nhằm thu lợi tính đến ngày 07/10/2023 là 92.100.000đ (chín mươi hai triệu một trăm nghìn) và còn nợ số tiền gốc là 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

11. Anh Bùi Sở T: vay 01 lần, ngày 29/9/2023 thông qua sự giới thiệu của chị Đinh Thị Th, trú tại xóm Ké, xã Hiền Lương, huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình, anh T đã cầm cố 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE, biển kiểm soát 28B1 - 03113 mang tên Lê Thị Thục (vợ của T) để vay của Nh số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) có viết giấy vay nợ, với lãi suất thoả thuận miệng là 3.500đ/triệu/ngày. Lúc này do không có tiền, Nh có vay anh Đinh Văn Th - SN 1979, trú tại tiểu khu Mu, thị trấn Đà Bắc, huyện Đà Bắc số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) để cho anh T vay lại, sau khi viết giấy vay nợ, số tiền thực tế Nh đưa cho anh T là 8.000.000đ (tám triệu đồng) còn 12.000.000đ (mười hai triệu đồng) Nh giữ lại để trừ vào số tiền lãi mà chị Đinh Thị Th còn đang nợ mình, anh T đồng ý. Chiếc xe mô tô anh T cầm cố thì Nh để gửi tại nhà anh Đinh Văn Th.

Ngày 05/10/2023, anh Bùi Sở T đã trả cho Nh số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng) tương đương với lãi suất của 10 ngày vay, tương đương với lãi suất 128%/năm, vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật Dân sự là 6,4 lần. Như vậy số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự được phép thu là 109.589đ (một trăm linh chín nghìn, năm trăm tám mươi chín đồng), tiền lãi thu lợi bất chính đã thu được là 590.411đ (năm trăm chín mươi nghìn, bốn trăm mười một đồng). Hiện tại anh T vẫn nợ số tiền gốc 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Ngày 09/10/2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an **huyện Đà Bắc** đã khởi tố vụ án; ngày 15/10/2023 khởi tố bị can đối với Nguyễn Thị Nh và Trần Thế A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại Khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Bản Cáo trạng số 05/CT-VKS-ĐB, ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc đã truy tố Nguyễn Thị Nh, Trần Thế A về tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Nh, Trần Thế A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”:

- Áp dụng khoản 2 Điều 201 BLHS; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 BLHS; Điều 17; Điều 58 BLHS; Điều 3 NQ 01/2021; Điều

2, Điều 3 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và mục 5 khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP, ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa đổi bổ sung Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP.

Đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Nh từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng.

Hình phạt bổ sung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự; khoản 3 Điều 3 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tuyên phạt bổ sung mức phạt từ 30.000.000đ đến 50.000.000đ nộp sung công quỹ Nhà nước.

- Áp dụng Khoản 2 Điều 201 BLHS; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35 BLHS; Điều 17 BLHS; Điều 58 BLHS; Điều 3 NQ 01/2021.

Đề nghị xử phạt bị cáo Trần Thế A từ 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) đến 250.000.000đ (hai trăm năm mươi triệu đồng)

Hình phạt bổ sung: không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

** Về biện pháp tư pháp:*

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị Nh phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã thu là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) và số tiền lãi đã thu mà pháp luật cho phép là 46.529.315đ (bốn mươi sáu triệu năm hai chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng). Trong đó, Nguyễn Thị Nh đã T nguyện nộp số tiền 75.350.000đ (bảy mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), Trần Thế A đã T nguyện nộp số tiền cùng Nguyễn Thị Nh khắc phục hậu quả hành vi phạm tội là 33.693.000đ (ba mươi ba triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Thị Nh còn phải nộp số tiền 57.486.315đ (năm mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm mười lăm đồng).

- Buộc những người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan phải phải nộp số tiền vay nợ gốc chưa trả cho bị cáo Nh để nộp vào ngân sách Nhà nước, **với tổng số tiền là 406.000.000đ (bốn trăm linh sáu triệu đồng) cụ thể như sau:**

- + Anh Đinh Văn Ph nộp số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng);
- + Chị Nguyễn Thị Thùy N nộp số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng);
- + Anh Đinh Công Q nộp số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng);
- + Chị Đinh Thị Th nộp số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng);
- + Chị Đinh Thị Th1 nộp số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng);
- + Anh Đinh Hồng Q nộp số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng);
- + Anh Đinh Hồng S nộp số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);
- + Chị Phan Thị H nộp số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng);
- + Chị Phan Thị Ng nộp số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng);
- + Anh Bùi Sở T nộp số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

** Buộc bị cáo Nh trả lại cho những người vay số tiền lãi thu vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự, với số tiền cụ thể như sau:*

- Anh Đinh Văn Ph số tiền 17.808.219đ (mười bảy triệu, tám trăm linh tám nghìn, hai trăm mười chín đồng).

- Chị Nguyễn Thị Thùy N số tiền của 02 khoản vay là 21.913.151đ (hai mươi một triệu chín trăm mười ba nghìn một trăm năm mươi một đồng);

- Anh Hà Trọng Q số tiền 3.624.658đ (ba triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng);

- Anh Đinh Công Q số tiền của 03 khoản vay là 114.606.849đ (một trăm mười bốn triệu sáu trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng);

- Chị Đinh Thị Th số tiền của 03 khoản vay là 57.643.836đ (năm mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng);

- Chị Đinh Thị Th1 số tiền 66.090.411đ (sáu mươi sáu triệu không trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng);

- Anh Đinh Hồng Q số tiền của 02 khoản vay là 48.965.753đ (bốn mươi tám triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng);

- Anh Đinh Hồng S số tiền của 02 khoản vay là 5.206.849đ (năm triệu hai trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng);

- Chị Phan Thị H số tiền 8.678.082đ (tám triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng);

- Chị Phan Thị Ng số tiền 5.342.466đ (năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng);

- Anh Bùi Sở T số tiền 590.411đ (năm trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng).

** Về xử lý vật chứng:*

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y21s, số seri 3445655699003BN bên trong có lắp sim số điện thoại 0368472398. Chiếc điện thoại trên được xác định là điện thoại của Nguyễn Thị Nh dùng làm Ph tiện liên lạc hàng ngày và thường xuyên sử dụng trao đổi, lưu trữ tin nhắn, hình ảnh việc vay nợ của những người vay tiền qua ứng dụng zalo. Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước.

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y02, số seri 10HD130K200085 bên trong có lắp sim số điện thoại 0972403989. Chiếc điện thoại trên được xác định là điện thoại của Trần Thế A dùng làm Ph tiện liên lạc hàng ngày và sử dụng vào việc gọi điện, nhắn tin, lưu trữ hình ảnh việc vay nợ của nhiều người vay tiền qua ứng dụng zalo. Tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003469 mang tên Lê Thị Thục - SN 1990, BKS 28B1 – 031.13 và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu vàng cát, BKS 28B1 – 031.13 được xác định là tài sản của chị Lê Thị Th do anh Bùi Sở T cầm cố, thế chấp cho Nguyễn Thị Nh để vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

là tài sản hợp pháp của chị Th, đã được cơ quan điều tra trả lại cho chị Th nên không đề nghị xử lý.

- 01 giấy vay tiền ghi ngày 29/9/2023 giữa Bùi Sở T và Nguyễn Thị Nh thu giữ cùng giấy tờ xe và xe mô tô BKS 031.13 khi Nguyễn Thị Nh gửi lại xe tại nhà anh Đinh Văn Th. Là tài liệu chứng cứ được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- 01 Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số 068298 mang tên Đinh **Hồng** M. Không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho ông Đinh Hồng M.

- Số tiền 75.350.000đ (bảy mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) do bị cáo Nguyễn Thị Nh tự nguyện giao nộp; số tiền 33.693.000đ (ba mươi ba triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng) do bị cáo Trần Thế A tự nguyện giao nộp để khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, cần tiếp tục bảo thủ sung quỹ Nhà nước.

Về án phí các bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật. Tuyên Q kháng cáo theo quy định pháp luật.

- Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị Nh, Trần Thế A đồng ý với quan điểm luận tội của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt. Lời nói sau cùng các Bị cáo cũng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để bị cáo có điều kiện sửa chữa khuyết điểm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi và các Quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Đà Bắc và Điều tra viên; của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi và các Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: chị Nguyễn Thị Thuỳ N; anh Hà Trọng Q, anh Đinh Công Q, chị Đinh Thị Th, chị Đinh Thị Th1, anh Đinh Hồng Q, anh Đinh Hồng S, chị Phan Thị Hạnh, chị Phan Thị Ng, anh Bùi Sở T, Ông Đinh Hồng M (tên gọi khác Đinh Văn M), bà Nguyễn Thị T, anh Đinh Văn Th, chị Đinh Thị Ph, chị Phùng Thị Ph, chị Đinh Thị Tr, chị Quản Thị L, chị Nguyễn Thị Nh, chị Lê Thị Th, anh Hà Văn Ngh tuy nhiên người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 những vẫn vắng mặt và họ đều đã có lời khai trong quá trình điều tra vụ án do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị Nh, Trần Thế A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ năm 2019 đến tháng 10 năm 2023 Nguyễn Thị Nh, Trần Thế A đã thực hiện giao dịch dân sự cho 11 người trên địa bàn huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình vay tổng số tiền 526.000.000đ (năm trăm hai sáu triệu đồng) với mức lãi suất thoả thuận từ 3000đ/01 triệu/ 01 ngày đến 10.000đ/01 triệu/01 ngày tương đương với mức lãi xuất từ 128%/năm đến 365%/ năm vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự (gấp từ 6,4 đến 18,2 lần) để nhằm thu lợi số tiền 895.775.000đ (tám trăm chín mươi lăm triệu bảy trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Thực tế Nguyễn Thị Nh, Trần Thế A đã thu được tổng tiền lãi là 397.000.000đ (ba trăm chín mươi bảy triệu đồng), trong đó có số tiền lãi được phép thu theo quy định là 46.529.315đ (bốn mươi sáu triệu, năm trăm hai mươi chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng); số tiền lãi thu trái pháp luật (vượt quá 5 lần pháp luật cho phép) là 347.270.685đ (ba trăm bốn mươi bảy triệu, hai trăm bảy mươi nghìn, sáu trăm tám mươi lăm đồng) và 3.200.000đ (ba triệu hai trăm nghìn đồng) tiền thu lời bất chính khác. Như vậy, hành vi của các bị cáo Nguyễn Thị Nh và Trần Thế A có đủ yếu tố cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận Nguyễn Thị Nh, Trần Thế A phạm tội “*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự như Cáo trạng số 05/CT-VKS-ĐB, ngày 08 tháng 03 năm 2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đà Bắc là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Xét tính chất hành vi phạm tội

Xét thấy các bị cáo Nguyễn Thị Nh, Trần Thế A đều có năng lực trách nhiệm đầy đủ nhưng vì động cơ vụ lợi nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài Ch mà còn làm cho người vay lâm vào tình trạng khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu an N trật T, an toàn xã hội địa phương.

[4] Xét tính nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của các bị cáo:

- Về nhân thân của các bị cáo Nguyễn Thị Nh, Trần Thế A là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Nguyễn Thị Nh, Trần Thế A đã cho 11 người vay tiền trong đó thu lời bất chính của nhiều người với số tiền trên 30.000.000đ là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nh, A đều thành khẩn khai báo tỏ ra ăn năn hối cải; các bị cáo đã nộp

một phần số tiền thu lợi bất chính để nộp vào ngân sách Nhà nước là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Đối với bị cáo Nguyễn Thị Nh còn có thêm tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội là phụ nữ có thai”, hoàn cảnh gia đình bị cáo có nhiều khó khăn (đã ly hôn chồng) và trực tiếp nuôi hai con còn nhỏ lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2016 quy định tại điểm n khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Về vai trò của các bị cáo: Nguyễn Thị Nh là người có vai trò chính trong thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; bị cáo Trần Thế A là người giúp sức tích cực cho Nh trong việc thu hồi nợ.

[5] Về hình phạt đối với các bị cáo: căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội các bị cáo gây ra cho xã hội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của các bị cáo trong vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo Nguyễn Thị Nh là người trực tiếp thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, tuy nhiên xét nhân thân là người chưa có tiền án tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, bị cáo đang phải nuôi hai con còn nhỏ, có nơi cư trú rõ ràng, tuy bị cáo có tình tiết tăng nặng phạm tội nhiều lần nhưng các lần đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo. Về hình phạt bổ sung: để đảm bảo tính răn đe và phòng ngừa tội phạm xét thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự; tuy nhiên việc áp dụng hình phạt bổ sung đảm bảo phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể của bị cáo.

Đối với Trần Thế A là người có quan hệ tình cảm với Nguyễn Thị Nh nên đã giúp sức cho Nh trong quá trình thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, Hội đồng xét xử xem xét cần áp dụng hình phạt chính bằng hình phạt tiền đối với bị cáo Trần Thế A cũng đủ để cải tạo giáo dục bị cáo. Về hình phạt bổ sung: xét bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y21s, số seri 3445655699003BN bên trong có lắp sim số điện thoại 0368472398. Chiếc điện thoại trên được xác định là điện thoại của Nguyễn Thị Nh dùng làm phương tiện liên lạc hàng ngày và thường xuyên sử dụng trao đổi, lưu trữ tin nhắn, hình ảnh việc vay nợ của những người vay tiền qua ứng dụng zalo là phương tiện bị cáo liên lạc thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu phát mai sung công quỹ Nhà nước.

- 01 Điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y02, số seri 10HD130K200085 bên trong có lắp sim số điện thoại 0972403989. Chiếc điện thoại trên được xác định là điện thoại của Trần Thế A dùng làm phương tiện liên lạc hàng ngày và sử dụng vào việc gọi điện, nhắn tin, lưu trữ hình ảnh việc vay nợ của nhiều người vay tiền qua ứng dụng zalo

là phương tiện bị cáo liên lạc thực hiện hành vi phạm tội cần tịch thu phát mại sung công quỹ Nhà nước.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 003469 mang tên Lê Thị Thục – SN 1990, BKS 28B1 – 031.13 và 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA AIRBLADE màu vàng cát, BKS 28B1 – 031.13 được xác định là tài sản của chị Lê Thị Thục do anh Bùi Sở T cầm cố, thế chấp cho Nguyễn Thị Nh để vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) là tài sản hợp pháp của chị Thục, đã được cơ quan điều tra trả lại cho chị Thục, chị Thục không có yêu cầu gì thêm nên không cập xử lý.

- 01 giấy vay tiền ghi ngày 29/9/2023 giữa Bùi Sở T và Nguyễn Thị Nh thu giữ cùng giấy tờ xe và xe mô tô BKS 031.13 khi Nguyễn Thị Nh gửi lại xe tại nhà anh Đinh Văn Th. Là tài liệu chứng cứ được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 068298 mang tên Đinh Hồng M, cần trả lại cho ông Đinh Hồng M (tên gọi khác Đinh Văn M).

- Số tiền 75.350.000đ (bảy mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Thị Nh tự nguyện giao nộp; số tiền 33.693.000đ (ba mươi ba triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng) do bị cáo Trần Thế A tự nguyện giao nộp để khắc phục một phần hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, cần tiếp tục bảo thủ để đòi trừ nghĩa vụ của bị cáo Nguyễn Thị Nh.

[7] Về biện pháp tư pháp:

7.1. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Nh phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã thu là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) và số tiền lãi đã thu mà pháp luật cho phép là 46.529.315đ (bốn mươi sáu triệu năm hai chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng). Xác nhận Nguyễn Thị Nh đã tự nguyện nộp số tiền 75.350.000đ (bảy mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), Trần Thế A đã tự nguyện nộp số tiền cùng Nguyễn Thị Nh khắc phục hậu quả hành vi phạm tội là 33.693.000đ (ba mươi ba triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng). Bị cáo Nguyễn Thị Nh còn phải nộp số tiền 57.486.315đ (năm mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm mười lăm đồng).

7.2. Buộc những vay phải nộp số tiền nợ gốc chưa trả cho bị cáo Nh để nộp vào ngân sách Nhà nước, với tổng số tiền cụ thể như sau:

- + Anh Đinh Văn Ph nộp số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng);
- + Chị Nguyễn Thị Thùy N nộp số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng);
- + Anh Đinh Công Q nộp số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng);
- + Chị Đinh Thị Th nộp số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng);
- + Chị Đinh Thị Th1 nộp số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng);
- + Anh Đinh Hồng Q nộp số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng);
- + Anh Đinh Hồng S nộp số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);
- + Chị Phan Thị H nộp số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng);
- + Chị Phan Thị Ng nộp số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng);
- + Anh Bùi Sở T nộp số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

7.3. Bị cáo Nh là người cho vay, đồng thời cũng là người được thụ hưởng số tiền thu lời bất Ch từ việc cho vay lãi nặng do đó cần buộc bị cáo phải trả những người vay số tiền lãi thu vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự, với số tiền cụ thể như sau:

- Anh Đinh Văn Ph số tiền 17.808.219đ (Mười bảy triệu, tám trăm linh tám nghìn, hai trăm mười chín đồng);

- Chị Nguyễn Thị Thùy N số tiền của 02 khoản vay là 21.913.151đ (hai mươi một triệu, chín trăm mười ba nghìn một trăm năm mươi một đồng);

- Anh Hà Trọng Q số tiền 3.624.658đ (ba triệu, sáu trăm hai mươi bốn nghìn, sáu trăm năm mươi tám đồng);

- Anh Đinh Công Q số tiền của 03 khoản vay là 114.606.849đ (một trăm mười bốn triệu, sáu trăm linh sáu nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng);

- Chị Đinh Thị Th số tiền của 03 khoản vay là 57.643.836đ (năm mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi ba nghìn, tám trăm ba mươi sáu đồng);

- Chị Đinh Thị Th1 số tiền 66.090.411đ (sáu mươi sáu, triệu không trăm chín mươi nghìn, bốn trăm mười một đồng);

- Anh Đinh Hồng Q số tiền của 02 khoản vay là 48.965.753đ (bốn mươi tám triệu, chín trăm sáu mươi lăm nghìn, bảy trăm năm mươi ba đồng);

- Anh Đinh Hồng S số tiền của 02 khoản vay là 5.206.849đ (năm triệu, hai trăm linh sáu nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng);

- Chị Phan Thị H số tiền 8.678.082đ (tám triệu, sáu trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng);

- Chị Phan Thị Ng số tiền 5.342.466đ (năm triệu, ba trăm bốn mươi hai nghìn, bốn trăm sáu mươi sáu đồng);

- Anh Bùi Sở T số tiền 590.411đ (năm trăm chín mươi nghìn, bốn trăm mười một đồng).

[8]. Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Trong vụ án còn có những người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan khác gồm:

- Đối với Nguyễn Duy Ch khi còn là vợ chồng với Nguyễn Thị Nh không biết Nh cho ai vay tiền, với lãi suất là bao nhiêu. Ch không được hưởng lợi, giúp Nh đòi nợ. Do đó Nguyễn Duy Ch không đồng phạm với Nguyễn Thị Nh cho vụ án.

- Bà Nguyễn Thị T cho Nguyễn Thị Nh vay số tiền 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) và ông Đinh Văn Th cho Nh vay số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Quá trình điều tra không chứng minh được bà T và ông Th biết và câu kết với Nh và không được hưởng lợi từ việc Nh cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, do vậy được xác định là người liên quan trong vụ án. Đối với số tiền mà T và ông Th cho Nh vay là giao dịch cho vay thông thường nên được tách ra để giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

- Đối với Quản Thị Lon là người được Nh mượn tài khoản ngân hàng để nhận số tiền người khác chuyển khoản đến chị Lon không biết người chuyển khoản số tiền 5.000.000đ đến tài khoản của Lon là ai và không biết việc Nh thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nên không xem xét xử lý.

- Đối với chị Đinh Thị Ph là chị của Đinh Văn Ph là người đã thay Ph đứng ra thoả thuận chót nợ với Nh; Chị Phùng Thị Ph là người được Phan Thị Hạnh nhờ chuyển số tiền 1.000.000đ trả nợ cho Nh; chị Đinh Thị Tr là người được Hạnh nhờ chuyển 1.700.000đ vào tài khoản của Trần Thế A nhằm trả nợ cho Nh; Hà Văn Nghi là người quen của Đinh Công Q được Q mượn tài khoản để nhận số tiền vay Nh là 28.000.000đ và Nguyễn Thị Nho là bạn của N và được chị N nhờ gặp Nh để nhận giúp số tiền 9.000.000 mà Nho vay của Nh, hành vi của người trên không liên quan trực tiếp đến hành vi cho vay lãi của Nh nên không xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: các bị cáo Nguyễn Thị Nh, Trần Thế A phạm tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Nguyễn Thị Nh 12 (mười hai) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo buộc thời gian thử thách 24 (hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

Phạt bổ sung: bị cáo Nguyễn Thị Nh số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Nh cho UBND thị trấn Đà Bắc, huyện Đà Bắc, tỉnh Hoà Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 35; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: bị cáo Trần Thế A 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) nộp vào ngân sách Nhà nước. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự và điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu, phát mại sung quỹ nhà nước:

+ 01 Điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y21s, số seri 3445655699003BN bên trong có lắp sim số điện thoại 0368472398 là công cụ Ph tiên liên lạc trong quá trình Nguyễn Thị Nh thực hiện hành vi lãi nặng.

+ 01 Điện thoại di động nhãn hiệu VIVO Y02, số seri 10HD130K200085 bên trong có lắp sim số điện thoại 0972403989 là công cụ Ph tiên liên lạc của Trần Thế A trong thực hiện hành vi cho vay lãi nặng.

- Trả lại ông Đinh Hồng M 01 Giấy chứng nhận Q sử dụng đất số 068298 mang tên Đinh Hồng M.

- 01 giấy vay tiền ghi ngày 29/9/2023 giữa Bùi Sở T và Nguyễn Thị Nh. Là tài liệu chứng cứ được lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

- Tiếp tục bảo thủ số tiền 75.350.000đ (bảy mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) Nguyễn Thị Nh đã tự nguyện nộp và 33.693.000đ (ba mươi ba triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng) Trần Thế A tự nguyện nộp để khấu trừ nghĩa vụ của bị cáo Nguyễn Thị Nh đối với số tiền bị cáo phải nộp ngân sách Nhà nước.

Các vật chứng trên được thể hiện tại Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 14/3/2024 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Đà Bắc và Chi cục Thi hành án hình sự huyện Đà Bắc.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46, Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ - HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 201 Bộ luật hình sự.

3.1. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Nh phải nộp ngân sách Nhà nước số tiền gốc đã thu là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng) và số tiền lãi đã thu mà pháp luật cho phép là 46.529.315đ (bốn mươi sáu triệu năm hai chín nghìn, ba trăm mười lăm đồng). Xác nhận bị cáo Nguyễn Thị Nh đã tự nguyện nộp số tiền 75.350.000đ (bảy mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng), Trần Thế A đã tự nguyện nộp số tiền là 33.693.000đ (ba mươi ba triệu sáu trăm chín mươi ba nghìn đồng) để cùng Nguyễn Thị Nh khắc phục hậu quả hành vi phạm tội. Bị cáo Nguyễn Thị Nh còn phải nộp số tiền 57.486.315đ (năm mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm mười lăm đồng).

3.2. Buộc những người vay phải nộp số tiền nợ gốc chưa trả cho Nguyễn Thị Nh để sung ngân sách Nhà nước cụ thể:

- + Anh Đinh Văn Ph nộp số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng);
- + Chị Nguyễn Thị Thùy N nộp số tiền 9.000.000đ (chín triệu đồng);
- + Anh Đinh Công Q nộp số tiền 80.000.000đ (tám mươi triệu đồng);
- + Chị Đinh Thị Th nộp số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng);
- + Chị Đinh Thị Th1 nộp số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng);
- + Anh Đinh Hồng Q nộp số tiền 17.000.000đ (mười bảy triệu đồng);
- + Anh Đinh Hồng S nộp số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng);
- + Chị Phan Thị H nộp số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng);

- + Chị Phan Thị Ng nộp số tiền 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng);
- + Anh Bùi Sở T nộp số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

3.3. Buộc bị cáo Nguyễn Thị Nh phải có nghĩa vụ trả lại số tiền thu lời bất Ch (tiền lãi vượt quá quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự) cho những người vay, cụ thể như sau:

- Anh Đinh Văn Ph số tiền 17.808.219đ (Mười bảy triệu, tám trăm linh tám nghìn, hai trăm mười chín đồng);
- Chị Nguyễn Thị Thùy N số tiền của 02 khoản vay là 21.913.151đ (hai mươi một triệu chín trăm mười ba nghìn một trăm năm mươi một đồng);
- Anh Hà Trọng Q số tiền 3.624.658đ (ba triệu sáu trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm năm mươi tám đồng);
- Anh Đinh Công Q số tiền của 03 khoản vay là 114.606.849đ (một trăm mười bốn triệu sáu trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng);
- Chị Đinh Thị Th số tiền của 03 khoản vay là 57.643.836đ (năm mươi bảy triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng);
- Chị Đinh Thị Th1 số tiền 66.090.411đ (sáu mươi sáu triệu không trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng);
- Anh Đinh Hồng Q số tiền của 02 khoản vay là 48.965.753đ (bốn mươi tám triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi ba đồng);
- Anh Đinh Hồng S số tiền của 02 khoản vay là 5.206.849đ (năm triệu hai trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng);
- Chị Phan Thị H số tiền 8.678.082đ (tám triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm tám mươi hai đồng);
- Chị Phan Thị Ng số tiền 5.342.466đ (năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi sáu đồng);
- Anh Bùi Sở T số tiền 590.411đ (năm trăm chín mươi nghìn bốn trăm mười một đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Nh, Trần Thế A mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về Q kháng cáo: Căn cứ vào các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, người có Q lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa có Q

kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được Q kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh HB;
- Sở TP tỉnh Hòa Bình;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh HB;
- VKSND huyện Đà Bắc;
- CQĐT, THAHS huyện Đà Bắc;
- THADS huyện Đà Bắc;
- UBND thị trấn Đà Bắc;
- UBND xã Cao Sơn;
- Bị cáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Trung

